

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 25 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 108/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Phố ĐN, thị trấn CG, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1970.

Chị Ngô Thị Hương L, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Phố ĐN, thị trấn CG, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Vũ Thị M, chị Ngô Thị Hương L, anh Nguyễn Công T và anh Phạm Văn T1 thống nhất thoả thuận: Chị L và anh T có trách nhiệm trả cho chị M, anh T1 số tiền 43.290.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Thời hạn trả nợ như sau: Vào ngày mùng 10 dương lịch hàng tháng chị L, anh T phải trả chị M, anh T1 2.440.000 đồng/tháng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng một tháng), thời hạn trả nợ tính từ tháng 7-2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ trên.

Về lãi suất tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về tiền án phí: Chị L và anh T thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn án phí. Chị L phải chịu thay chị M số tiền 549.000 đồng (Năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Vũ Thị M số tiền 1.777.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2016/0002121 ngày 26-12-2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Công thông tin điện tử Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Trang